

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/KDTM – ST

Ngày: 30/5/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Nguyên
2. Bà Trần Thị Ngọc Thanh

Thư ký Tòa án: Bà Trà Thị Thúy Diễm - thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2016/TLST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2016 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 và Quyết định ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn : Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ : Tầng 1 và tầng 5, tòa nhà A, số A1 A2, phường A2, quận A3, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật : Ông Lưu Quyết Th – Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện hợp pháp : Ông Chu Văn T– sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ liên hệ : 233 B1, Phường B2, Quận B3, Thành phố M

Bị đơn : Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa E

Địa chỉ : 305 C, Phường C1, quận C2, Thành phố M

Người đại diện theo pháp luật : Ông Hoàng Chí Th1 – Giám đốc (có mặt)

Địa chỉ : 259/17H D, Phường D1, quận D2, Thành phố M

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Ông Lưu D3 và bà Nguyễn Thị Mai Kh

Cùng địa chỉ : 473/15 (số cũ là K10Bis) E1, Phường E2, Quận E3, Thành phố M (vắng mặt)

- Ông **Hoàng Chí Th1** và bà **Lưu Mai Ch**

Địa chỉ : 473/25 (số cũ là 7Kbis) E1, Phường E2, Quận E3, Thành phố M (có mặt)

- Ông **Hoàng Đình T1** và bà **Võ Thị Như Ng**

Địa chỉ : 09/11/ G, Phường G1, Quận D2, Thành phố M (vắng mặt)

- **Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M**

Địa chỉ : Số 7 H, Phường H1, Quận H2, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp : Ông Lê Hà Duy Th, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị Ngọc Tr (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B có người đại diện theo ủy quyền là ông Chu Văn T trình bày:*

Năm 2016, Ngân hàng thương mại cổ phần B (B Bank) nộp đơn khởi kiện Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa E (Sau đây gọi tắt là Công ty E) tại Tòa án Nhân dân quận E3 để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tổng dư nợ của Công ty E tại thời điểm khởi kiện ngày 25/01/2016 là: 41.692.827.635 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 23.545.624.340 đồng; Nợ lãi trong hạn: 11.845.266.791 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.292.936.474 đồng.

Trong quá trình khởi kiện, Công ty E và Quỹ bảo lãnh đã thực hiện trả nợ một phần và giải chấp các tài sản đảm bảo, cụ thể như sau:

1. Ngày 07/03/2016, Công ty E đã trả nợ số tiền 4.000.0000.0000 đồng (Bốn tỷ đồng) để giải chấp tài sản là thửa đất 776, Tờ bản đồ 1(SĐN), diện tích đất 109,5m² và tài sản gắn liền là căn nhà diện tích xây dựng 91,0m² tại số 9/11, G, phường G1, quận D2, Thành phố M. Theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 6031/ĐCND do UBND Thành phố M cấp ngày 24/7/2003 cho ông Hoàng Đình T1 và bà Võ Thị Như Ng. Toàn bộ số tiền này được B Bank hạch toán thu vào dư nợ gốc.

2. Cũng trong ngày 07/03/2016, Công ty E đã trả nợ số tiền 2.150.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng) để giải chấp tài sản là thửa đất thuộc bằng khoán số 16⁻³⁹⁴ Tờ bản đồ 14 Hộ 4, Bộ địa chính: I (theo tài liệu cũ), phường E2, quận E3, diện tích 28m² và tài sản gắn liền là căn nhà có diện tích xây dựng 27.4m² tại 7Kbis E1, Phường E2, Quận E3, Thành phố M. Toàn bộ số tiền này được B Bank hạch toán thu vào dư nợ gốc.

3. Ngày 11/07/2016, B Bank chấp thuận cho Công ty E đổi tài sản đảm bảo là QSHNƠ và QSDĐO diện tích 141,3m², thuộc thửa đất số 11 tại số 473/15, E1, Phường E2, Quận E3, Thành phố M. Theo Giấy chứng nhận số 437/02 do UBND Quận E3, Thành phố M cấp ngày 15/7/2002 bằng tài sản là:

Chứng nhận tiền gửi tiết kiệm số FA 268164 trị giá 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng) thuộc sở hữu của bà Lưu Mai Ch. Theo Hợp đồng cầm cố số 1026500.A.16.HĐCC.HCM ngày 11/7/2016.

4. Ngày 26/12/2019, B Bank đã tiến hành tất toán sổ tiết kiệm với tổng số tiền 8.381.407.503 đồng. Trong đó bao gồm 7.000.000.000 nợ gốc và 1.381.407.503 đồng tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc 7.000.000.000 đồng. B Bank đã hạch toán thu 7.000.000.000 đồng vào nợ gốc và 1.381.407.503 đồng vào nợ lãi của Công ty E.

Như vậy, hiện nay tài sản còn lại để đảm bảo cho khoản vay của Công ty E đó là: Bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng Thành phố M theo Hợp đồng Bảo lãnh tín dụng số 08-02/2011/HĐQBLTD ngày 30/6/2011.

5. Ngày 13/5/2022, Quỹ Bảo lãnh tín dụng Thành phố M đã trả cho B Bank số tiền 3.515.624.340 đồng. B Bank đã thu vào nợ gốc của Công ty E. Đồng thời, B Bank cũng đã có công văn miễn trừ nghĩa vụ bảo lãnh đối phần nợ lãi do Quỹ Bảo lãnh Thành phố M bảo lãnh.

B Bank áp dụng mức lãi suất theo đúng quy định tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn (Chi tiết thể hiện tại Bảng tính lãi đính kèm văn bản này).

Từ thời điểm vay vốn đến nay, Công ty E đã thanh toán hết phần nợ gốc cho B Bank; Về phần nợ lãi, Công ty E chỉ mới thanh toán được 2.101.238.657 đồng. Kể từ thời điểm trả hết nợ gốc (ngày 13/05/2022), số tiền nợ lãi của Công ty E không phát sinh thêm.

Từ những trình bày nêu trên, B Bank kính đề nghị Quý Tòa xem xét, giải quyết các yêu cầu sau:

Buộc Công ty E thanh toán cho B Bank số tiền nợ lãi là: **29.530.443.937 đồng.**

Trường hợp Công ty E vi phạm không trả đầy đủ khoản nợ, thì B Bank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành Bản án/ Quyết định của Tòa án, để thu hồi nợ.

Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp và nghĩa vụ bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng Thành phố M

** Bị đơn là Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa E có người đại diện hợp pháp là ông Hoàng Chí Th1 trình bày:*

- Về khoản vay: Đề nghị phía Ngân hàng xem xét lại cách tính lãi suất vì tính như vậy là quá cao. Do hiện nay tình hình kinh tế khó khăn nên Công ty đề nghị Ngân hàng có phương án miễn giảm, lãi cho Công ty.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M (Sau đây gọi là Quỹ Bảo lãnh tín dụng Thành phố M) có người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Đình Th trình bày: Vì Ngân hàng B đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ bảo lãnh của Quỹ Bảo lãnh tín dụng Thành phố M, đồng thời có văn bản xác nhận Quỹ Bảo lãnh tín dụng Thành phố M đã hoàn thành nghĩa vụ bảo lãnh đối*

với khoản nợ gốc của Công ty E và xác nhận miễn trừ nghĩa vụ bảo lãnh đối với phần nợ lãi của Công ty E nên Quỹ không có ý kiến gì thêm và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Chí Th1, bà Luru Mai Ch: Không có ý kiến gì khác đối với việc Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp trước đây mà ông bà đứng tên sở hữu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án là ôn Luru D3, bà Kh, ông T1, bà Ng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Chu Văn T trình bày: Ông vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày như trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến bổ sung thêm.

Bị đơn là Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa E có người đại diện hợp pháp là ông Hoàng Chí Th1 trình bày: Tại phiên tòa, ông đồng ý về việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện và thống nhất khoản tiền lãi còn lại là 29.530.443.937 đồng. Về phương án trả lãi, do hiện nay tình hình tài chính của Công ty đang gặp nhiều khó khăn nên đề nghị Ngân hàng có những chính sách miễn, giảm lãi phù hợp với khả năng tài chính và tình hình lúc này của Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Luru Mai Ch: Thống nhất với ông Hoàng Chí Th1 về số nợ của Công ty E vì bà cũng là Phó Giám đốc Công ty và không có ý kiến thêm nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E3 phát biểu:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ tranh chấp : Xét đơn khởi kiện Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Công ty E phải có nghĩa vụ trả các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên nên đây là dạng tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh

thương mại về hợp đồng, cụ thể là : “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn là Công ty E hiện nay có trụ sở tại 305 C, Phường C1, quận C2, Thành phố M. Tuy nhiên tại thời điểm Ngân hàng nộp đơn khởi kiện thì Công ty E có trụ sở tại 451/24/14 E1, Phường E2, Quận E3, Thành phố M nên Tòa án nhân dân Quận E3 có thẩm quyền giải quyết vụ án này theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lưu D3, bà Kh, ông T1, bà Ng, Quỹ bảo lãnh tín dụng Thành phố M. Xét thấy, các ông bà trên đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, Quỹ Bảo lãnh tín dụng Thành phố M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Ngày 05/5/2023 và tại phiên tòa Ngân hàng có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể Ngân hàng xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là :

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại địa chỉ 473/15 (Số cũ là 10K Bis) E1, Phường E2, Quận E3, Thành phố M thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Lưu D3 và bà Kh theo Giấy chứng nhận QSDĐ và QSHN số 437/02 do Ủy ban nhân dân Quận E3 cấp ngày 15/07/2002.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại địa chỉ 473/25 (Số cũ là 7K Bis) E1, Phường E2, Quận E3, Thành phố M thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Lưu Mai Ch

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại số 9/11, G, phường G1, quận D2, Thành phố M. Theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 6031/ĐCND do UBND TP. HCM cấp ngày 24/7/2003 cho ông T1 và bà Ng.

- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Quỹ bảo lãnh tín dụng Thành phố M theo hợp đồng bảo lãnh tín dụng số 08-02/2011/HĐ-QBLTD ngày 30/6/2011

Nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án :

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngày 30/6/2011 Ngân hàng B đã ký hợp đồng tín dụng số 1026500.A.11.HĐTD.HCM với Công ty E với hạn mức tối đa là 25.000.000.000 đồng (hai mươi lăm tỷ đồng). Thời hạn vay tối đa 06 tháng/khế ước nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty tổng cộng 25.051.366.004 đồng theo các kế ước nhận nợ số 48 ngày 13/01/2012 đến

khế ước nhận nợ số 82 ngày 30/6/2012. Lãi suất trong hạn của các khế ước này trong khoảng từ 16%/năm đến khoảng 20%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn

Do Công ty E vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty E có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ lãi còn lại là 29.530.443.937 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Tại thời điểm khởi kiện vào ngày 25/01/2015 Ngân hàng yêu cầu thanh toán số tiền tổng cộng là 41.692.827.635 đồng, trong đó nợ gốc là 23.545.624.340 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.854.266.791 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.292.936.474 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng xác định cho tới thời điểm này toàn bộ khoản nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 1026500.A.11.HĐTD.HCM ngày 30/6/2011 đã được trả nợ xong nên không yêu cầu Công ty có nghĩa vụ trả nợ gốc nữa. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn về việc không yêu cầu Công ty E có nghĩa vụ trả nợ gốc.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi

Ngân hàng yêu cầu Công ty E có nghĩa vụ trả lãi số tiền còn lại là: 29.530.443.937 đồng.

Xét thấy, về số tiền lãi vay đã được nguyên đơn tính đúng theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng số 1026500.A.11.HĐTD.HCM ngày 30/6/2011 và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ lãi là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty E cũng đồng ý với số tiền lãi này và không có ý kiến khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Công ty E phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi còn lại là: 29.530.443.937 đồng (hai mươi chín tỷ năm trăm ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng)

Vì số tiền nợ gốc đã thanh toán xong nên khoản tiền lãi này sẽ không phát sinh trên nợ gốc nữa.

[3] Về việc xử lý tài sản bảo đảm và nghĩa vụ bảo lãnh của Quỹ tín dụng Thành phố M:

[3.1] Về các tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ là 03 căn nhà đã nêu ở trên giữa Ngân hàng và công ty đã thống nhất phương án xử lý và nguyên đơn cũng đã rút yêu cầu kê biên phát mãi các tài sản này ; không ai trong vụ án có ý kiến hay yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

[3.2] Về nghĩa vụ bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng Thành phố M

Xét thấy, ngày 17/5/2022 Ngân hàng B có Công văn số 182/2022/CV-BVBHCM về việc xác nhận Quỹ Bảo lãnh Thành phố M đã hoàn thành nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ gốc của Công ty E do Quỹ Bảo lãnh Thành phố M bảo lãnh và Ngân hàng xác nhận miễn trừ nghĩa vụ bảo lãnh đối với phần nợ lãi của Công ty E. Quỹ Bảo lãnh Thành phố M không còn phải thanh toán bất cứ khoản tiền nào liên quan khoản nợ của Công ty E cho Ngân hàng B.

Trong vụ án hiện nay Ngân hàng cũng rút yêu cầu khởi kiện phần nghĩa vụ bảo lãnh này nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng Thành phố M.

[4] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Công ty E có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 29.530.443.937 đồng (hai mươi chín tỷ năm trăm ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng)

[5] Về án phí: Công ty E phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 137.530.444 đồng. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận E3 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

1.1. Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa E có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 1026500.A.11.HĐTD.HCM ngày 30/6/2011 số tiền là 29.530.443.937 đồng (hai

mười chín tỷ năm trăm ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 29.530.443.937 đồng .

1.2. Việc thanh toán tiền được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa E còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là :

2.1 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại địa chỉ 473/15 (Số cũ là 10K Bis) E1, Phường E2, Quận E3, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Lưu D3 và bà Kh theo Giấy chứng nhận QSDĐ và QSHN số 437/02 do Ủy ban nhân dân Quận E3 cấp ngày 15/07/2002.

2.2 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại địa chỉ 473/25 (Số cũ là 7K Bis) E1, Phường E2, Quận E3, Thành phố M thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Lưu Mai Ch.

2.3 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại số 9/11, G, phường G1, quận D2, Thành phố M. Theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 6031/ĐCND do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh M cấp ngày 24/7/2003 cho ông T1 và bà Ng.

Do Ngân hàng thương mại cổ phần B rút yêu cầu.

2.4 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với phần nghĩa vụ bảo lãnh của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M theo hợp đồng bảo lãnh tín dụng số 08-02/2011/HĐ-QBLTD ngày 30/6/2011 do Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 137.530.444 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) do Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa E chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 74.846.413 đồng (bảy mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm mười ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2012/09669 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận E3, Thành phố M.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần B, Công ty cổ phần xây dựng điện và tự động hóa E, ông Hoàng Chí Th1, bà Lưu Mai Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các ông bà Lưu D3, bà Kh, ông T1, bà Ng, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố M được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP - VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN PHIÊN
TÒA

Nơi nhận:

- TANDTP-VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Huyền